TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-02-2025
Về việc tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Phạm Thanh Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Bình** – Ông **Nguyễn Văn Cơ**

- Thư ký phiên toà: Bà **Trần Thị Thuỳ Trang** - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Hùng Cường** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé H – sinh năm 1992; địa chỉ: 3 Đ, phường H, quận L, TP .. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Ngọc P – sinh năm 1992; địa chỉ: K Đ, tổ E, phường H, quận L, TP .. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bé H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Bé H và anh Phạm Ngọc P kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P không có trách nhiệm với vợ con, không lo làm

ăn để lo cho kinh tế gia đình, một mình bà H là người đi làm lo kinh tế cho gia đình và việc học của các con. Bà H và ông P đã sống ly thân từ năm 2022, sau khi ly thân vợ chồng không có sự hàn gắn, ông P cũng không quan tâm đến bà H, ai sống phần người nấy. Bà H đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn vào năm 2023 nhưng vì gia đình hai bên hòa giải, vợ chồng cố gắng hàn gắn mong con cái có đầy đủ cha mẹ nên bà B quyết định bỏ qua, rút đơn để đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông P vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- *Về quan hệ con chung:* Bà Nguyễn Thị B H khai nhận có 02 con chung là Phạm Quốc M, sinh ngày 08/9/2014 và Phạm Ngọc Y, sinh ngày 26/6/2016. Vì ông P không có trách nhiệm với gia đình, con cái từ trước đến nay do bà H trực tiếp chăm sóc nên nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà Nguyễn Thị Bé H có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Phạm Ngọc P cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- *Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Bé H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn - ông Phạm Ngọc P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại BLTTDS, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS; mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham dự phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị B Huệ được ly hôn với ông Phạm Ngọc P; giao 02 con chung Phạm Quốc M, sinh ngày 08/9/2014 và Phạm Ngọc Y, sinh ngày 26/6/2016 cho bà Nguyễn Thị Bé H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung bà Nguyễn Thị B H khai nhận không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H với bị đơn ông Phạm Ngọc P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Bị đơn ông Phạm Ngọc P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông Phạm Ngọc P vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Phạm Ngọc P.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé H đối với ông Phạm Ngọc P thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé H và ông Phạm Ngọc P đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30/2016, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Bé H cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, ông P không có trách nhiệm với gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông Phạm Ngọc P vắng mặt không có lý do, bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng.

HĐXX xét thấy, qua xác minh thì chính quyền địa phương nơi ông Phạm Ngọc P và bà Nguyễn Thị Bé H sống chung xác nhận vợ chồng bà H và ông P có xảy ra mâu thuẫn là sự thật. Ngoài ra, bà H đã 02 lần yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và sau đó được hòa giải nên rút đơn đoàn tụ gia đình theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 47/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08.3.2023 và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 117/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18.12.2023 nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông P và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị B Huệ xác nhận bà và ông Phạm Ngọc P có 02 con chung là Phạm Quốc M, sinh ngày 08/9/2014 và Phạm Ngọc Y, sinh ngày 26/6/2016. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Bé H

yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy khi ông P, bà H xảy ra mâu thuẫn, không sống chung với nhau thì bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Các cháu Phạm Quốc M và Phạm Ngọc Y có nguyện vọng ở với mẹ. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông P không có mặt để trình bày nguyện vọng của mình về việc nuôi con chung, cũng như không chứng minh được điều kiện nuôi con. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé H về việc nuôi con, giao 02 con chung Phạm Quốc M, sinh ngày 08/9/2014 và Phạm Ngọc Y, sinh ngày 26/6/2016 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Thị Bé H không yêu cầu ông Phạm Ngọc P cấp dưỡng nuôi con chung; ông Phạm Ngọc P không có văn bản trình bày ý kiến về vấn đề cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

- Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bé H khai nhận vợ chồng không có tài sản chung; xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu sau này bà Nguyễn Thị Bé H và ông Phạm Ngọc P có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Bé H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

I. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn*"* của bà Nguyễn Thị Bé H đối với ông Phạm Ngọc P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Bé H được ly hôn ông Phạm Ngọc P.

2. Về quan hệ con chung**:** Giao 02 con chung Phạm Quốc M, sinh ngày 08/9/2014 và Phạm Ngọc Y, sinh ngày 26/6/2016 cho bà Nguyễn Thị Bé H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Phạm Ngọc P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị B H khai nhận không có tài sản chung, xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Bé H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000753 ngày 24.6.2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Bé H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
- UBND phường Hoà Khánh Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hùng